

Phần I: Nội dung ôn tập

- Các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất
- Phát triển kinh tế và ý nghĩa của nó đối với cá nhân, gia đình, xã hội
- Hàng hóa, tiền tệ, thị trường
- Quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa
- Cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa
- Cung, cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hóa
- Nội dung cơ bản của công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Trách nhiệm của công dân
- Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta

Phần II: Câu hỏi ôn tập

I. Câu hỏi tự luận

1. Thị trường là gì? Phân tích chức năng cơ bản của thị trường?
2. Nội dung và tác động của quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa?
3. Vận dụng quy luật giá trị để giải thích hiện tượng một số doanh nghiệp kinh doanh hàng ăn uống dừng hoạt động để chuyển sang kinh doanh thời trang may mặc?
4. Mối quan hệ cung – cầu trên thị trường biểu hiện như thế nào? Nhà nước, doanh nghiệp và người tiêu dùng vận dụng mối quan hệ này như thế nào cho phù hợp nhất?
5. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là gì? Tính tất yếu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta?
6. Nội dung cơ bản của CNH, HĐH ở nước ta? Trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp CNH, HĐH của đất nước?

II. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Hàng hóa có những thuộc tính nào sau đây?

- A. Giá trị, giá trị sử dụng. B. Giá trị, giá trị trao đổi.
C. Giá trị D. Giá trị sử dụng.

Câu 2: Sự tác động của con người vào tự nhiên làm biến đổi các yếu tố tự nhiên để tạo ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của mình gọi là

- A. Sản xuất kinh tế B. Thỏa mãn nhu cầu.
C. Sản xuất của cải vật chất. D. Quá trình sản xuất.

Câu 3: Mục đích mà người sản xuất hàng hóa hướng đến là gì?

- A. Giá cả. B. Lợi nhuận.
C. Công dụng của hàng hóa. D. Số lượng hàng hóa.

Câu 4: Mục đích mà người tiêu dùng hướng đến là gì?

- A. Giá cả. B. Lợi nhuận.
C. Công dụng của hàng hóa. D. Số lượng hàng hóa.

Câu 5: Mối quan hệ nào sau đây là quan hệ giữa giá trị và giá trị trao đổi?

- A. 1m vải = 5kg thóc. B. 1m vải + 5kg thóc = 2 giờ.
C. 1m vải = 2 giờ. D. 2m vải = 10kg thóc = 4 giờ.

Câu 6: Giá trị của hàng hóa được biểu hiện thông qua yếu tố nào?

- A. Giá trị trao đổi. B. Giá trị số lượng, chất lượng.
C. Lao động xã hội của người sản xuất. D. Giá trị sử dụng của hàng hóa.

Câu 7: Giá trị của hàng hóa là gì?

- A. Lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa.

- B. Lao động của người sản xuất được kết tinh trong hàng hóa.
 C Lao động xã hội của người sản xuất được kết tinh trong hàng hóa.
 D. Lao động của người sản xuất hàng hóa.
- Câu 8: Tại sao hàng hóa là một phạm trù lịch sử?
 A. Vì hàng hóa chỉ ra đời và tồn tại trong nền kinh tế hàng hóa.
 B. Vì hàng hóa xuất hiện rất sớm trong lịch sử phát triển loài người.
 C. Vì hàng hóa ra đời gắn liền với sự xuất hiện của con người trong lịch sử.
 D. Vì hàng hóa ra đời là thước đo trình độ phát triển sản xuất và hoạt động thương mại của lịch sử loài người.
- Câu 9: Thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa được tính bằng yếu tố nào?
 A. Thời gian tạo ra sản phẩm. B. Thời gian trung bình của xã hội.
 C. Thời gian cá biệt. D. Tổng thời gian lao động.
- Câu 10: Giá trị xã hội của hàng hóa được xác định trong điều kiện sản xuất nào sau đây?
 A. Tốt. B. Xấu. C. Trung bình. D. Đặc biệt.
- Câu 11: Giá trị xã hội của hàng hóa được xác định bởi
 A. Thời gian lao động cá biệt của người sản xuất ra hàng hóa tốt nhất.
 B. Thời gian lao động cá biệt của người sản xuất ra nhiều hàng hóa tốt nhất.
 C. Thời gian lao động xã hội cần thiết.
 D. Thời gian lao động hao phí bình quân của mọi người sản xuất hàng hóa.
- Câu 12: Giá trị sử dụng của hàng hóa được hiểu là gì?
 A. Công dụng nhất định thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người.
 B. Công dụng thỏa mãn nhu cầu vật chất. C. Công dụng thỏa mãn nhu cầu tinh thần.
 D. Công dụng thỏa mãn nhu cầu mua bán.
- Câu 13: Để có được lợi nhuận cao và giành được ưu thế cạnh tranh người sản xuất phải đảm bảo điều kiện nào sau đây?
 A. Phải giảm giá trị cá biệt của hàng hóa B. Phải tăng giá trị cá biệt của hàng hóa
 C. Giữ nguyên giá trị cá biệt của hàng hóa D. Phải giảm giá trị xã hội của hàng hóa
- Câu 14: Để may xong một cái áo, hao phí lao động của anh B tính theo thời gian mất 4 giờ. Vậy 4 giờ lao động của anh B được gọi là gì?
 A. Thời gian lao động xã hội cần thiết. B. Thời gian lao động cá biệt.
 C. Thời gian lao động của anh B. D. Thời gian lao động thực tế.
- Câu 15: Giá trị xã hội của hàng hóa bao gồm những bộ phận nào?
 A. Giá trị TLSX đã hao phí, giá trị sức lao động của người sản xuất hàng hóa
 B. Giá trị TLSX đã hao phí, giá trị tăng thêm
 C. Giá trị TLSX đã hao phí, giá trị sức lao động của người sản xuất hàng hóa, giá trị tăng thêm
 D. Giá trị sức lao động của người sản xuất hàng hóa, giá trị tăng thêm
- Câu 16: Hàng hóa có thể tồn tại dưới những dạng nào sau đây?
 A. Vật thể. B. Phi vật thể. C. Cả a, b đều đúng. D. Cả a, b đều sai.
- Câu 17: Hãy chỉ ra một trong những chức năng của tiền tệ?
 A. Phương tiện thanh toán. B. Phương tiện mua bán.
 C. Phương tiện giao dịch. D. Phương tiện trao đổi.
- Câu 18: Giá trị xã hội của hàng hóa được kết tinh trong hàng hóa bao gồm những yếu tố nào?
 A. Chi phí sản xuất và lợi nhuận B. Chi phí sản xuất
 C. Lợi nhuận D. Cả a, b, c sai
- Câu 19: Hãy chỉ ra một trong những chức năng của tiền tệ?
 A. Thước đo kinh tế. B. Thước đo giá cả.

C. Thước đo thị trường. D. Thước đo giá trị.

Câu 20: Hãy chỉ ra đâu là hình thái tiền tệ?

- A. 1 con gà = 9 kg thóc = 5 m vải. B. 0.1 gam vàng = 5 m vải = 5 kg chè.
C. 1 con gà + 9 kg thóc + 5 m vải. D. 0.1 gam vàng + 5 m vải + 5 kg chè.

Câu 21: Tại sao nói tiền tệ là hàng hóa đặc biệt?

- A. Vì tiền tệ chỉ xuất hiện khi sản xuất hàng hóa đã phát triển.
B. Vì tiền tệ ra đời là kết quả của quá trình phát triển lâu dài của các hình thái giá trị.
C. Vì tiền tệ là hàng hóa đặc biệt được tách ra làm vật ngang giá chung cho tất cả các hàng hóa.
D. Vì tiền tệ là hàng hóa nhưng không đi vào tiêu dùng thông qua trao đổi mua bán.

Câu 22: Tiền tệ thực hiện chức năng thước đo giá trị khi nào?

- A. Khi tiền dùng để đo lường và biểu hiện giá trị của hàng hóa.
B. Khi tiền dùng làm phương tiện lưu thông, thúc đẩy quá trình mua bán hàng hóa diễn ra thuận lợi.
C. Khi tiền dùng để chi trả sau khi giao dịch mua bán.
D. Khi tiền rút khỏi lưu thông và đi vào cất trữ.

Câu 23: Bác A trồng rau sạch để bán lấy tiền rồi dùng tiền đó mua gạo. Vậy tiền đó thực hiện chức năng gì?

- A. Phương tiện thanh toán. B. Phương tiện giao dịch.
C. Thước đo giá trị. D. Phương tiện lưu thông.

Câu 24: Hiện tượng lạm phát xảy ra khi nào?

- A. Khi Nhà nước phát hành thêm tiền. B. Khi nhu cầu của xã hội về hàng hóa tăng thêm.
C. Khi đồng nội tệ mất giá. D. Khi tiền giấy đưa vào lưu thông vượt quá số lượng cần thiết.

Câu 25: Giá trị của một hàng hóa được biểu hiện ở nhiều hàng hóa khác nhau là đặc trưng của hình thái giá trị nào?

- A. Hình thái giá trị giản đơn hay ngẫu nhiên. B. Hình thái giá trị đầy đủ hay mở rộng.
C. Hình thái chung của giá trị. D. Hình thái tiền tệ.

Câu 26: Giá trị của một hàng hóa được biểu hiện ở hàng hóa khác là đặc trưng của hình thái giá trị nào?

- A. Hình thái giá trị giản đơn hay ngẫu nhiên. B. Hình thái giá trị đầy đủ hay mở rộng.
C. Hình thái giá trị chung. D. Hình thái tiền tệ.

Câu 27: Giá trị của những hàng hóa được biểu hiện ở một hàng hóa là đặc trưng của hình thái giá trị nào?

- A. Hình thái giá trị giản đơn hay ngẫu nhiên. B. Hình thái giá trị đầy đủ hay mở rộng.
C. Hình thái chung của giá trị. D. Hình thái tiền tệ.

Câu 28: Giá trị của những hàng hóa được biểu hiện ở hàng hóa đặc biệt là vàng là đặc trưng của hình thái giá trị nào?

- A. Hình thái giá trị giản đơn hay ngẫu nhiên. B. Hình thái giá trị đầy đủ hay mở rộng.
C. Hình thái chung của giá trị. D. Hình thái tiền tệ.

Câu 29: Tháng 09 năm 2008 1 USD đổi được 16700 VNĐ, điều này được gọi là gì?

- A. Tỷ giá hối đoái. B. Tỷ giá trao đổi.
C. Tỷ giá giao dịch. D. Tỷ lệ trao đổi.

Câu 30: Thị trường bao gồm những nhân tố cơ bản nào?

- A. Hàng hóa, tiền tệ, cửa hàng, chợ. B. Hàng hóa, người mua, người bán.
C. Hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán. D. Người mua, người bán, tiền tệ.

Câu 31: Sản xuất hàng hóa số lượng bao nhiêu, giá cả như thế nào do nhân tố nào quyết định?

- A. Người sản xuất. B. Thị trường. C. Nhà nước. D. Người làm dịch vụ.

Câu 32: Thị trường có những mối quan hệ cơ bản nào?

- A. Hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán. B. Hàng hóa, người mua, người bán.
 C. Hàng hóa- tiền tệ, người mua- người bán, cung- cầu, giá cả hàng hóa.
 D. Người mua, người bán, cung cầu, giá cả.

Câu 33: Một trong những chức năng của thị trường là gì?

- A. Kiểm tra hàng hóa. B. Trao đổi hàng hóa. C. Thực hiện. D. Đánh giá

Câu 34: Trường hợp nào sau đây thì người sản xuất có nhiều lợi nhuận ?

- A. $TGLĐCB > TGLĐXHCT$ B. $TGLĐCB = TGLĐXHCT$
 C. $TGLĐCB < TGLĐXHCT$ D. B và C

Câu 35: hàng hóa là lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa .

- A. Giá trị B. Giá trị trao đổi C. Giá cả D. Giá trị sử dụng

Câu 36: Giá cả của hàng hóa là

- A. Do nhà sản xuất quy định B. Vật mang giá trị trao đổi
 C. Hình thức biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hóa
 D. Do cung – cầu hàng hóa trên thị trường quy định

Câu 37: Quá trình chuyển đổi căn bản các hoạt động sản xuất từ sử dụng sức lao động thủ công sang sử dụng sức lao động dựa trên sự phát triển của công nghiệp cơ khí là quá trình nào sau đây?

- A. Hiện đại hoá B. Công nghiệp hoá C. Tự động hoá D. Công nghiệp hoá - hiện đại hoá

Câu 38: Yếu tố nào giữ vai trò quan trọng và quyết định trong quá trình sản xuất ?

- A. Sức lao động B. TLLĐC. ĐTLĐĐ. Công cụ lao động

Câu 39: Một trong những nội dung cơ bản của CNH, HĐH ở nước ta là:

- A. Phát triển mạnh mẽ ngành công nghiệp cơ khí B. Phát triển mạnh mẽ khoa học kĩ thuật
 C. Phát triển mạnh mẽ công nghệ thông tin D. Phát triển mạnh mẽ LLSX

Câu 40: CNH, HĐH có tác dụng:

- A. Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển
 B. Tạo điều kiện để p.triển LLSX và tăng năng suất LĐ xã hội
 C. Tạo điều kiện để nước ta hội nhập k.tế quốc tế
 D. Nâng cao uy tín của nước ta trên trường quốc tế

Câu 41: Tiền tệ là hàng hóa đặc biệt được tách ra làm cho tất cả các hàng hóa trong quá trình trao đổi, mua bán .

- A. Giá trị trao đổi B. Thước đo giá trị
 C. Phương tiện thanh toán D. Vật ngang giá chung

Câu 42: Trong các cơ cấu kinh tế thì cơ cấu nào quan trọng nhất ?

- A. Cơ cấu vùng B. Cơ cấu ngành C. Cơ cấu thành phần D. Cơ cấu khu vực

Câu 43: Xác định đúng đắn vai trò của sản xuất của cải vật chất có ý nghĩa như thế nào?

- A. Giúp con người biết trân trọng giá trị của lao động và của cải vật chất của xã hội.
 B. Giúp con người giải thích nguồn gốc sâu xa của mọi hiện tượng kinh tế - xã hội, hiểu được nguyên nhân cơ bản của quá trình phát triển lịch sử xã hội loài người
 C. Giúp cho chúng ta hiểu rõ hơn về sự sáng tạo và năng lực lao động vô tận của con người trong lịch sử phát triển lâu dài.
 D. a và c đúng, b sai.

Câu 44: Đặc điểm cơ bản của kinh tế tự nhiên là

- A. Phụ thuộc vào tự nhiên B. Hình thức sản xuất tự túc, tự cấp
 C. Sản phẩm làm ra để thỏa mãn nhu cầu D. Phản ánh trình độ kém phát triển của nền sản xuất

Câu 45: Lưu thông tiền tệ do yếu tố nào quy định ?

- A. Giá cả hàng hóa B. Ngân hàng Nhà nước

- C. Lưu thông hàng hóa D. Chất lượng sản phẩm
- Câu 46: Việc trao đổi các hàng hóa với nhau trên thị trường thực chất là trao đổi
 A. Những lượng lao động hao phí bằng nhau ẩn chứa trong hàng hóa
 B. Giá trị sử dụng của hàng hóa C. Giá trị của hàng hóa D. Thời gian lao động xã hội cần thiết
- Câu 47: Giá cả của đồng tiền nước này được tính bằng đồng tiền của nước khác gọi là gì ?
 A. Tiền tệ thế giới B. Giao thương quốc tế
 C. Thước đo giá trị D. Tỷ giá hối đoái
- Câu 48: 1gam vàng mua được 20m² vải (cùng TGLĐXHCT). Nếu NSLĐ làm ra vàng tăng lên gấp 3 lần . Hỏi 1gam vàng có thể mua bao nhiêu m² vải ?
 A. 120 m² B. 20 m² C. 40 m² D. 60 m²
- Câu 49: Đi đôi với chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng CNH – HĐH gắn với phát triển yếu tố nào sau đây?
 A. Kinh tế nông nghiệp B. Kinh tế hiện đại C. Kinh tế tri thức D. Kinh tế thị trường
- Câu 50: Điều kiện nào thì người sản xuất bị thua lỗ ?
 A. $TGLĐCB < TGLĐXHCT$ B. $TGLĐCB = TGLĐXHCT$
 C. $TGLĐCB > TGLĐXHCT$ D. Không có TH nào
- Câu 51: Sản xuất của cải vật chất giữ vai trò như thế nào đến mọi hoạt động của xã hội?
 A. Quan trọng. B. Quyết định. C. Cần thiết. D. Trung tâm.
- Câu 52: Toàn bộ năng lực thể chất và tinh thần của con người được vận dụng vào trong quá trình sản xuất được gọi là gì?
 A. Sức lao động. B. Lao động. C. Sản xuất của cải vật chất. D. Hoạt động.
- Câu 53: Yếu tố nào ảnh hưởng đến cung mang tính tập trung nhất?
 A. Nguồn lực B. Năng suất lao động. C. Giá cả D. Chi phí sản xuất
- Câu 54. Hoạt động có mục đích, có ý thức của con người làm biến đổi những yếu tố của tự nhiên cho phù hợp với nhu cầu của con người được gọi là gì?
 A. Lao động B. Tác động C. Hoạt động D. Sản xuất của cải vật chất.
- Câu 55: Kết cấu hạ tầng của sản xuất thuộc yếu tố cơ bản nào của quá trình sản xuất?
 A. Đối tượng lao động đã trải qua tác động của lao động. B. Tư liệu lao động.
 C. Đối tượng lao động của các ngành giao thông vận tải. D. yếu tố nhân tạo.
- Câu 56: Cơ cấu kinh tế là tổng thể quan hệ hữu cơ, phụ thuộc và quy định lẫn nhau về quy mô và trình độ của cơ cấu nào sau đây?
 A. Cơ cấu kinh tế ngành B. Cơ cấu vùng kinh tế C. Cơ cấu thành phần kinh tế D. Cả a, b, c đúng
- Câu 57: Vì sao phải tiến hành CNH – HĐH đất nước?
 A. Do yêu cầu phải xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật cho CNXH.
 B. Do yêu cầu phải rút ngắn khoảng cách tụt hậu xa về kinh tế, kĩ thuật, công nghệ, do yêu cầu phải tạo ra năng suất lao động xã hội cao.
 C. Do yêu cầu phải xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật cho CNXH, do yêu cầu phải tạo ra năng suất lao động xã hội cao.
 D. Cả a, b đều đúng.
- Câu 58: Vì sao CNH phải gắn liền với HĐH?
 A. Vì nhân loại đã trải qua hai cuộc cách mạng kĩ thuật và công nghệ.
 B. Xu hướng toàn cầu hóa, mở ra cơ hội mới cho các nước tiến hành CNH sau như Việt Nam.
 C. Tránh sự tụt hậu, rút ngắn thời gian để HĐH mọi mặt. D. Cả a, b, c đều đúng
- Câu 59: Bác A trồng rau ở khu vực ngoại thành Hà Nội. Bác mang rau vào khu vực nội thành để bán vì giá cả ở nội thành cao hơn. Vậy hành vi của bác A chịu tác động nào của quy luật giá trị?

A. Điều tiết sản xuất. B. Tỷ suất lợi nhuận cao của quy luật giá trị.

C. Tự phát từ quy luật giá trị. D. Điều tiết trong lưu thông.

Câu 60: Việc chuyển từ sản xuất mũ vải sang sản xuất vành mũ bảo hiểm chịu tác động nào của quy luật giá trị?

A. Điều tiết sản xuất. B. Tỷ suất lợi nhuận cao của quy luật giá trị.

C. Tự phát từ quy luật giá trị. D. Điều tiết trong lưu thông.

Câu 61: Giá cả của hàng hóa trên thị trường biểu hiện như thế nào?

A. Luôn ăn khớp với giá trị B. Luôn cao hơn giá trị

C. Luôn thấp hơn giá trị D. Luôn xoay quanh trực giá trị

Câu 62: Quy luật giá trị quy định người sản xuất và lưu thông hàng hóa trong quá trình sản xuất và lưu thông phải căn cứ vào đâu?

A. Thời gian lao động xã hội cần thiết B. Thời gian lao động cá biệt

C. Thời gian hao phí để sản xuất ra hàng hóa D. Thời gian cần thiết

Câu 63: Vì sao giá cả từng hàng hóa và giá trị từng hàng hóa trên thị trường không ăn khớp với nhau?

A. Vì chịu tác động của quy luật giá trị B. Vì chịu sự tác động của cung – cầu, cạnh tranh ...

C. Vì chịu sự chi phối của người sản xuất

D. Vì thời gian sản xuất của từng người trên thị trường không giống nhau

Câu 64: Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh là gì?

A. Tồn tại nhiều chủ sở hữu.

B. Điều kiện sản xuất và lợi ích của mỗi đơn vị kinh tế là khác nhau.

C. Sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do sản xuất kinh doanh, có điều kiện sản xuất và lợi ích khác nhau.

D. Cả a, b đúng.

Câu 65: Cạnh tranh giữa người bán và người mua diễn ra trên thị trường khi nào?

A. Người mua nhiều, người bán ít. B. Người mua bằng người bán.

C. Người bán nhiều, người mua ít. D. Thị trường khủng hoảng.

Câu 66: Cạnh tranh giữa người mua và người bán diễn ra trên thị trường khi nào?

A. Người mua nhiều, người bán ít. B. Người mua bằng người bán.

C. Người bán nhiều, người mua ít. D. Thị trường khủng hoảng.

Câu 67: Thành tựu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ hai ứng dụng vào lĩnh vực nào?

A. Sản xuất B. Kinh doanh, dịch vụ C. Quản lý kinh tế, xã hội D. Cả a, b, c đúng

Câu 68: Thành tựu nổi bật của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ nhất là gì?

A. Điện B. Máy tính C. Máy hơi nước D. Xe lửa

Câu 69: Trong nền kinh tế hàng hoá khái niệm cầu được dùng để gọi tắt cho cụm từ nào?

A. Nhu cầu của mọi người. B. Nhu cầu của người tiêu dùng.

C. Nhu cầu có khả năng thanh toán. D. nhu cầu tiêu dùng hàng hoá.

Câu 70: Yếu tố nào ảnh hưởng đến cung mang tính tập trung nhất?

A. Giá cả B. Nguồn lực C. Năng suất lao động D. Chi phí sản xuất

Câu 71: Trên thực tế, sự vận động của cung, cầu diễn ra ntn?

A. Cung, cầu thường vận động không ăn khớp nhau B. Cung, cầu thường cân bằng

C. Cung thường lớn hơn cầu D. Cầu thường lớn hơn cung.

Câu 72: Cung và giá cả có mối quan hệ như thế nào?

A. Giá cao thì cung giảm B. Giá cao thì cung tăng

C. Giá thấp thì cung tăng D. Giá biến động nhưng cung không biến động.

Câu 73: Cầu và giá cả có mối quan hệ như thế nào?

A. Giá cao thì cầu giảm B. Giá cao thì cầu tăng C. Giá thấp thì cầu tăng D. Cả a, c đúng.

Câu 74: Mối quan hệ cung cầu là mối quan hệ tác động giữa ai với ai?

A. Người mua và người bán B. Người bán và người bán
C. Người sản xuất với người tiêu dùng D. Cả a, c đúng

Câu 75: Khi cầu tăng dẫn đến sản xuất mở rộng dẫn đến cung tăng là nội dung của biểu hiện nào trong quan hệ cung - cầu ?

A. Cung cầu tác động lẫn nhau B. Cung cầu ảnh hưởng đến giá cả
C. Giá cả ảnh hưởng đến cung cầu D. Thị trường chi phối cung cầu

Câu 76: Khi cầu giảm dẫn đến sản xuất mở rộng dẫn đến cung giảm là nội dung của biểu hiện nào trong quan hệ cung - cầu ?

A. Cung cầu tác động lẫn nhau B. Cung cầu ảnh hưởng đến giá cả
C. Giá cả ảnh hưởng đến cung cầu D. Thị trường chi phối cung cầu

Câu 77: Khi trên thị trường giá cả giảm thì xảy ra trường hợp nào sau đây?

A. Cung và cầu tăng B. Cung và cầu giảm C. Cung tăng, cầu giảm D. Cung giảm, cầu tăng

Câu 78: Khi trên thị trường giá cả tăng thì xảy ra trường hợp nào sau đây?

A. Cung và cầu tăng B. Cung và cầu giảm C. Cung tăng, cầu giảm D. Cung giảm, cầu tăng

Câu 79: Khi trên thị trường cung lớn hơn cầu thì xảy ra trường hợp nào sau đây?

A. Giá cả tăng B. Giá cả giảm C. Giá cả giữ nguyên D. Giá cả bằng giá trị

Câu 80: Khi trên thị trường cung nhỏ hơn cầu thì xảy ra trường hợp nào sau đây?

A. Giá cả tăng B. Giá cả giảm C. Giá cả giữ nguyên D. Giá cả bằng giá trị

Câu 81: Khi là người bán hàng trên thị trường, để có lợi, em chọn trường hợp nào sau đây:

A. Cung = cầu. B. Cung > cầu. C. Cung < cầu. D. Cung # cầu

Câu 82: Khi là người mua hàng trên thị trường, để có lợi, em chọn trường hợp nào sau đây:

A. Cung = cầu. B. Cung > cầu. C. Cung < cầu. D. Cung # cầu

Câu 83: Quá trình ứng dụng và trang bị những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến hiện đại vào quá trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, quản lí kinh tế xã hội là quá trình nào sau đây?

A. Hiện đại hoá B. Công nghiệp hoá C. Tự động hoá D. Công nghiệp hoá - hiện đại hoá

Câu 84: Cuộc Cách mạng khoa học kĩ thuật lần thứ nhất diễn ra vào thời gian nào?

A. Thế kỷ VII B. Thế kỷ XVIII C. Thế kỷ XIX D. Thế kỷ XX

Câu 85: Cuộc Cách mạng khoa học kĩ thuật lần thứ nhất ứng với quá trình nào sau đây?

A. Hiện đại hoá B. Công nghiệp hoá C. Tự động hoá D. Công nghiệp hoá - hiện đại hoá

Câu 86: Cuộc Cách mạng khoa học kĩ thuật lần thứ hai ứng với quá trình nào sau đây?

A. Hiện đại hoá B. Công nghiệp hoá C. Tự động hoá D. Công nghiệp hoá - hiện đại hoá

Câu 87: Cuộc Cách mạng khoa học kĩ thuật lần thứ hai diễn ra vào thời gian nào?

A. Thế kỷ VII B. Thế kỷ XVIII C. Thế kỷ XIX D. Thế kỷ XX

***** Hết *****

Tuyensinh247.com